

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 08 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						633 860	158 497	475 363			
I		CẢNG CHÍNH						159 470	22 688	136 782			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						4 760	4 630	130			
1		ĐẠM HÀ BẮC	06/10	637/10	16/10	QN 4320	CẨM 4B.1	1 700	1 678	22	07/10	HỘ LỚN	
2		XDCN MÔ ĐÓNG BẮC	07/10	2400B/9	14/10	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160	1 108	52	07/10	TD	Thay TBRT 2400/9
3		COALIMEX	01/10	2356/9	07/10	BN 2366	CẨM 4B.1	1 900	1 845	55	07/10	TD	GIA HẠN L2
		Tàu dự kiến rút trong ngày						52 600	18 058	34 542			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	01/10	625/10		HẢI NAM 79	CẨM 6A.14	27 300	17 916	9 384	RÓT ĐÓ	HỘ LỚN	TTCO: 20.300 CLM: 7.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	28/9	604/9		HẢI NAM 88	CẨM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	
3		XNK THAN	01/10	2499/9	07/10	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 000	142	858	RÓT ĐÓ	TD	GIA HẠN L1
4		DVVT QUẢNG NINH	07/10	2142/8	14/10	BN 1798	CẨM 4B.1	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L4
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						102 110		102 110			
1		ĐẠM NINH BÌNH	30/9	609/9	10/10	NB 6695	CẨM 4A.1	4 004		4 004		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/10	626/10		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 6A.1	20 600		20 600		HỘ LỚN	
3		ĐẠM HÀ BẮC	06/10	638/10	16/10	QN 4114	CẨM 4B.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
4		NHÔM LÂM ĐÔNG	07/10	2568/10	17/10	VIỆT THUẬN 10-01	CẨM 5A.1	4 850		4 850		HỘ LỚN	
5		NHÔM ĐẮK NÔNG	07/10	2567/10	17/10	VIỆT THUẬN 10-01	CẨM 5A.1	5 000		5 000		HỘ LỚN	
6		ĐIỆN DUYÊN HẢI	07/10	629B/10		VINACOMIN 30-01	CẨM 6A.14	26 600		26 600		HỘ LỚN	TTCO: 15.600 CLM: 5.000 KDTCP: 6.000 Thay TBRT 629/10
7		TRƯỜNG ANH 888	06/10	2185B/8	13/10	BN 2203	CẨM 4B.1	1 560		1 560		TD	GIA HẠN L4
8		KDT MIỀN BẮC	01/10	2446/9	10/10	NEW GOLD	CẨM 2A.1	24 000		24 000		TD	
9		XNK ANH KHOA	01/10	2508/10	07/10	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 230		1 230		TD	
10		DVVT QUẢNG NINH	01/10	2509/10	07/10	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
11		ĐTTM & DỊCH VỤ	02/10	2519/10	09/10	BN 2228	CỤC XÔ 1C	1 096		1 096		TD	
12		VẬT TƯ MIKADO	02/10	2522/10	09/10	BN 3201	CỤC 5A.1	1 960		1 960		TD	
13		TRƯỜNG ANH 888	03/10	2528/10	10/10	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
14		VẬN TẢI THỦY	04/10	2537/10	11/10	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
15		CATALAN	06/10	2561/10	13/10	BN 1991	CỤC 5A.1	1 600		1 600		TD	

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 08 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
16		VT & KDT	06/10	2559/10	13/10	NB 8707	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
17		THÁI SƠN HP	06/10	2562/10	13/10	HP 6658	CẨM 4B.1	1 980		1 980		TD	
18		VẬN TÀI THỦY	07/10	2143/8	14/10	BN 2115	CẨM 4B.1	1 400		1 400		TD	
		Tàu chuyển tải						259 500	75 910	183 590			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rót trong ngày						136 850	75 910	60 940			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/10	622/10		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.14	23 000	15 700	7 300	BỐC DỖ	HỘ LỒN	KDTCP: 10.000 CLM: 13.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	30/9	616/9		QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.1	23 000	21 080	1 920	BỐC DỖ	HỘ LỒN	TTHG: 20.000 KVCP: 3.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	03/10	630/10		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.10	41 250	2 200	39 050	BỐC DỖ	HỘ LỒN	KDTCP: 11.000 CLM: 22.000 KVCP: 8.250
4		KDT MIỀN BẮC	02/10	614B/9		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 5A.1	10 200	10 200		BỐC DỖ	PTCB	TTHG: 28.600 Thay TBRT Số 614/9
							CẨM 5B.1	18 400	16 100	2 300	BỐC DỖ	PTCB	
5		KDT MIỀN BẮC	03/10	615B/9		VTA OCEANUS	CẨM 5A.1	15 400	5 050	10 350	BỐC DỖ	PTCB	TTHG: 21.000
							CẨM 5B.1	5 600	5 580	20	BỐC DỖ	PTCB	
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						122 650		122 650			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	01/10	627/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỒN	CLM: 18.000 KVDB: 5.300
2		ĐIỆN VĨNH TÂN	03/10	631/10		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.1	29 200		29 200		HỘ LỒN	TTHG: 25.000 KVCP: 4.200
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/10	641/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỒN	TTHG: 20.000 KVCP: 26.500
4		XNK THAN	07/10	640/10		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 5A.1	11 650		11 650		PTCB	TTHG: 23.650 Thay TBRT 632/10
							CẨM 5B.1	12 000		12 000		PTCB	
II		KHO G9-HÓA CHẤT						70 264	14 302	55 962			
		Tàu đã làm hàng						12 918	12 507	411			
1		ĐTTM & DỊCH VỤ	02/10	2495/9	09/10	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 266	1 258	8	07/10	TD	NGUỒN KC GIA HẠN L1
2		DVVT QUẢNG NINH	05/10	2549/10	12/10	NAM ANH 69	CẨM 8A	1 450	1 426	24	07/10	TD	NGUỒN ĐN-C6
3		XNK THAN	06/10	2554/10	13/10	HD 2155	CẨM 8A	1 978	1 963	15	07/10	TD	NGUỒN CS
4		KDT CẦU ĐUÔNG	06/10	2502/9	13/10	BN 3040	CẨM 8A	1 964	1 898	66	07/10	TD	GIA HẠN L1
5		MV CHARIKLIA JUNIOR	03/10	5086/10		QNL-TĐ 10	TNK-ÚC	6 260	5 960	300	07/10		
		Tàu dự kiến rót trong ngày						11 284	1 795	9 489			
1		ĐẠM HẢ BẮC	05/10	636/10	15/10	2 TĐ 115	CẨM 4A.1	2 390		2 390		HỘ LỒN	

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 08 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rớt	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		KDT BẮC TRUNG BỘ	06/10	2553/10	16/10	NB 6695	CÁM 7B	4 004	994	3 010		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
3		KDT CẦU ĐUÔNG	07/10	2574/10	17/10	HD 1486	CÁM 7B	1 600		1 600		PTCB	NGUỒN CS
4		KSDV HẢI DƯƠNG	05/10	2547/10	12/10	BN 2991	CÁM 8A	3 290	801	2 489		TD	NGUỒN ĐN-C6
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>46 062</i>		<i>46 062</i>			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	30/9	2480/9	5/10	NB 2952	CÁM 7B	1 040		1 040		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
2		KDT MIỀN BẮC	07/10	2575/10	17/10	HP 6559	CÁM 7C	1 636		1 636		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
3		XNK ANH KHOA	01/10	2205/9	07/10	VP 2882	CÁM 8A	1 960		1 960		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L5
4		VẬN TẢI THỦY	01/10	2154/9	07/10	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L4
5		ĐTKS ĐỒNG BẮC	01/10	2461/9	07/10	HY 0709	CÁM 8A	1 925		1 925		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
6		SX & TM THAN UÔNG BÍ	01/10	2385/9	07/10	HẢI ÂU 199	CÁM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
7		THAN MIỀN NAM	02/10	2521/10	09/10	TIẾN THỊNH 09	CÁM 8A	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-C6
8		XNK THAN	03/10	2283/9	10/10	BN 0757	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L3
9		ĐTTM & DỊCH VỤ	04/10	2538/10	11/10	HD 2225	CÁM 8A	1 040		1 040		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		KDT BẮC TRUNG BỘ	06/10	2555/10	13/10	NB 6737	CÁM 7B	1 040		1 040		TD	NGUỒN ĐN-C6
11		XNK THAN	06/10	2550/10	13/10	THỊNH HƯNG 35	CÁM 8A	3 250		3 250		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		SX & TM THAN UÔNG BÍ	06/10	2551/10	13/10	NISSI 777	CÁM 8A	1 940		1 940		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		XNK VTA	06/10	2556/10	13/10	HD 2099	CÁM 8A	1 970		1 970		TD	NGUỒN ĐN-C6
14		THÁI SƠN HP	06/10	2557/10	13/10	HD 6299	CÁM 8A	2 316		2 316		TD	NGUỒN ĐN-C6
15		XNK THAN	06/10	2558/10	13/10	HP 4469	CÁM 4A.1	1 858		1 858		TD	NGUỒN CS
16		KDT HÀ NỘI	07/10	2418/10	14/10	BN 1879	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
17		ĐTTM & DỊCH VỤ	07/10	2564/10	14/10	HP 5818	CÁM 8A	3 035		3 035		TD	NGUỒN ĐN-C6
18		ĐTKS ĐỒNG BẮC	07/10	2563/8	14/10	HP 6428	CÁM 8A	1 930		1 930		TD	NGUỒN CS
19		ĐTKS ĐỒNG BẮC	07/10	2579/10	14/10	HY 0802	CÁM 8A	1 928		1 928		TD	NGUỒN ĐN-C6
20		THÁI DƯƠNG STAR	07/10	2576/10	14/10	HD 3666	CÁM 8A	1 950		1 950		TD	NGUỒN CS
21		THÁI DƯƠNG STAR	07/10	2577/10	14/10	QN 7339	CÁM 8A	4 876		4 876		TD	NGUỒN ĐN-C6
22		VẬN TẢI THỦY	07/10	2573/10	14/10	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 08 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
23		VẠN TÀI THỦY	07/10	2497/10	14/10	HD 3338	CẨM 8A	2 308		2 308		TD	NGUỒN CS Thay TBRT 2497/9
III		KHO BẢO NGUYỄN						9 066	4 422	4 644			
		Tàu đã làm hàng						4 426	4 422	4			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	02/10	611B/9	12/10	DỪNG SƠN 88 (HP 6729)	CẨM 5B.10	4 426	4 422	4	07/10	HỘ LỚN	Thay TBRT 611/9
		Tàu dự kiến rút trong ngày											
		Tàu đã làm lệnh						4 640		4 640			
1		ĐIỆN PHẢ LAI	05/10	633/10	15/10	TB 1716	CẨM 5B.10	2 314		2 314		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LAI	06/10	639/10	16/10	TĐ 18-1	CẨM 5B.10	2 326		2 326		HỘ LỚN	
IV		KHO CẢNG KM6						25 460	6 180	19 280			
		Tàu đã làm hàng						5 712	5 685	27			
1		KDT HẢI PHÒNG	06/10	2560/10	16/10	HP 4854	CẨM 6A.1	1 350	1 341	9	07/10	PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	07/10	2565/10	17/10	BN 1988	CẨM 6B.1	1 400	1 395	5	07/10	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	07/10	2566/10	17/10	HP 4846	CẨM 6B.1	1 032	1 027	5	07/10	PTCB	
4		KDT HẢI PHÒNG	07/10	2571/10	17/10	QN 8488	CẨM 6A.1	1 930	1 922	8	07/10	PTCB	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						6 598	495	6 103			
1		KDT MIỀN BẮC	07/10	2578/10	17/10	P 6068	CẨM 6A.1	5 538		5 538		PTCB	
2		VT & KDT	05/10	2543/10	12/10	BN 0988	CỤC ĐON 6B	1 060	495	565	RÓT DỖ	TD	NGUỒN QH Thay TBRT 2486/9
		Tàu đã làm lệnh						13 150		13 150			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	04/10	2533/10	14/10	HOÀNG ANH 88	CẨM 5A.1	3 900		3 900		HỘ LỚN	
2		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	07/10	2570/10	17/10	NGUYỄN DƯƠNG 668	CẨM 5B.1	4 400		4 400		PTCB	
3		THÁI SƠN HP	02/10	2485/9	09/10	HP 7227	CỤC XÔ 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH GIA HẠN L1
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	05/10	2542/10	12/10	BN 2009	CỤC XÔ 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN DH
5		THAN MIỀN NAM	07/10	2569/10	14/10	HẢI NAM 17	CỤC XÔ 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN QH
							CỤC ĐON 6B	1 300		1 300		TD	NGUỒN QH
V		TÀU XUẤT KHẨU						85 100	17 055	68 045			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						30 100	17 055	13 045			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 08 THÁNG 10 NĂM 2026

[illegible]

